TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiệm;

2. Ông Lê Thiết Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị ***Nguyễn Hồng H***, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Khu B (Y), xã V, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh ***Trần Minh H1***, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khu B (Y), xã V, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh H1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2021, tại UBND xã Y (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H1 tại khu B (Y), xã V, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh H1 bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống

hàng ngày. Chị đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 01/2025 sau đó đi làm ăn tự do, chị và anh H1 sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh H1.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 21/6/2021, hiện nay đang ở cùng chị và bố mẹ đẻ chị. Ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H1 không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh H1 và không tiến hành hòa giải được.*

Bà Tô Thị Ngọc Đ là mẹ đẻ của anh Trần Minh H1 cho biết: Sau kết hôn, chị H và anh H1 về chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 1 năm 2025 Âm lịch sau đó đi làm ăn. Chị H và anh H1 có một con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 21/6/2021, hiện nay cháu T đang ở cùng chị H và bố mẹ đẻ chị H tại xã V. Bà xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh H1 đến để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, anh H1 thường xuyên liên lạc với bà, bà đã thông báo cho anh H1 được biết, nhưng anh H1 không về. Bà nhận thay cho anh H1 các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ thông báo, giao ngay tận tay cho anh H1.

** Kết quả xác minh tại địa phương:* Đại diện UBND xã V cho biết: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2021 tại UBND xã Y cũ, nay là xã V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, chị H và anh H1 có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh chị không chung sống cùng nhau nữa. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở và trực tiếp chăm sóc con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 21/6/2021, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T được chị H đảm bảo đầy đủ, anh H1 sống cùng bố mẹ đẻ và đi làm ăn tự do, anh H1 thỉnh thoảng vẫn về gia đình và có biết việc chị H xin ly hôn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt khi được Tòa án triệu tập, không tham gia hòa giải).

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Hồng H được ly hôn với anh Trần Minh H1.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh T, sinh ngày 21/6/2021 kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Minh H1 cư trú tại khu B (Y), xã V, tỉnh Phú Thọ, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của anh H1, thấy rằng: Anh H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt anh H1 là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng H và anh Trần Minh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2021 ngày 08/02/2021, do vậy hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Do vợ chồng mâu thuẫn không thể hòa giải được nên chị H đưa con về gia đình bố mẹ đẻ ở, chị và anh H1 đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ tháng 01/2025 đến nay. Xét thấy, chị H, anh H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể anh chị không sống

chung với nhau, không còn quan tâm đến nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Kể từ khi chị H yêu cầu ly hôn đến nay, anh H1 không thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, do vậy mục đích hôn nhân giữa chị H, anh H1 không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H1 có một con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 21/6/2021 (đang ở cùng chị H). Điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung được chị H đảm bảo đầy đủ. Anh H1 không thể hiện quan điểm về việc nuôi con, do vậy sau ly hôn giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp với điều kiện hiện nay và sự phát triển của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét chị H không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, do vậy không buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Hồng H được ly hôn anh Trần Minh H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh T, sinh ngày 21/6/2021 (đang ở cùng chị H) kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động. Anh Trần Minh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu, thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0002807 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. (Xác nhận chị H đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Phú Thọ;
- Phòng THADSKV5 - Phú Thọ;
- UBND xã Vĩnh Chân, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hoài Linh